

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG – CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08.../VP.HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán¹

Công ty: Tổng công ty Thăng Long –CTCP

Trụ sở chính: Số 72 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 38.343.087

Fax: (84.4) 38.345.212

Người thực hiện công bố thông tin:

Địa chỉ:

Điện thoại di động:

Loại thông tin công bố 24h 72h Yêu cầu Bất thường Bình thường

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2015 của Tổng công ty Thăng Long - CTCP

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin Th

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- TGD (để b/c);
- Website;
- VP HĐQT.



Bùi Quang Tung
Chánh VP Hội Đồng Quản trị

¹ Áp dụng cho Công ty niêm yết

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4/2015

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2015

đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

HÀ NỘI, 2016

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4/2015

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2015

đến ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **419.080.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Phạm Quang Dũng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Khương Thế Duy	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 08 năm 2015
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 08 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,880,321,462,274	1,570,376,274,570
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	171,224,422,879	61,283,692,488
1. Tiền	111		170,894,641,876	61,283,692,488
2. Các khoản tương đương tiền	112		329,781,003	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,377,967,348,443	1,174,654,656,601
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1,266,525,256,277	1,086,398,880,617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36,946,945,906	37,582,423,293
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	76,551,589,196	98,316,229,547
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,156,442,936)	(47,642,876,856)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		280,684,761,843	292,597,181,569
1. Hàng tồn kho	141	V.05	280,684,761,843	292,597,181,569
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50,444,929,109	41,840,743,912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	24,579,008,167	8,458,959,559
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23,287,888,003	33,158,927,745
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.07a	722,646,419	222,856,608
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1,855,386,520	-

32,307,211,571

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152,963,713,458	230,004,605,215
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(127,184,635,638)	1,000,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.08	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216		-	1,000,000,000
II. Tài sản cố định	220		62,140,116,391	70,532,607,165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	50,071,516,391	58,551,607,165
- Nguyên giá	222		283,131,635,851	282,074,721,343
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(233,060,119,460)	(223,523,114,178)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,687,600,000	-
- Nguyên giá	225		2,687,600,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9,381,000,000	11,981,000,000
- Nguyên giá	228		9,381,000,000	11,981,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	7,270,603,954	8,950,516,331
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7,270,603,954	8,950,516,331
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	203,009,425,347	125,165,421,065
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	b1	120,513,536,758	119,264,122,476
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	b2	98,747,298,589	12,716,298,589
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(16,251,410,000)	(6,815,000,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,728,203,404	24,356,060,654
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	7,728,203,404	24,356,060,654
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,033,285,175,732	1,800,380,879,785

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,469,844,567,860	1,434,698,970,156
I. Nợ ngắn hạn	310		1,320,971,569,641	1,411,421,096,167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V 14a	526,350,596,899	415,298,355,203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		280,392,303,957	431,462,450,291
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V 07h	49,614,938,669	60,423,138,034
4. Phải trả người lao động	314		59,801,663,523	46,630,746,352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V 16a	24,174,838,778	9,790,061,735
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V 17	109,202,905,954	103,543,463,238
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V 18	269,141,373,810	343,826,153,801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,292,948,051	446,727,513
13. Quỹ Bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		148,872,998,219	23,277,873,989
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	5,925,724,174	5,906,533,574
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V 16b	-	-
4. Phải trả dài hạn về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	6,020,449,965
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V 20	142,947,274,045	11,350,890,450
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		563,440,607,872	365,681,909,629
I. Vốn chủ sở hữu	410	V 21	563,440,607,872	365,681,909,629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		419,080,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu PT có quyền biểu quyết	411a		419,080,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thăng dư vốn cổ phần	412		52,625,676,545	27,916,576,545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543,000,000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,031,089,294	64,287,269
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2,657,457,171	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67,484,384,862	25,806,298,690
- LNST chưa PP LK đến cuối năm trước	421a		1,307,456,586	(57,037,069)
- LNST chưa PP năm nay	421b		66,176,928,276	25,863,335,759
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,105,000,000	11,894,747,125
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,033,285,175,732	1,800,380,879,785

Ngày 03 tháng 02 năm 2016

Lập biểu

KTT

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	973,779,174,820	2,616,825,702,289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		973,779,174,820	2,616,825,702,289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	811,647,759,769	2,352,310,230,283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162,131,415,051	264,515,472,006
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	(8,444,983,130)	34,564,412,249
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	12,090,354,693	41,290,310,825
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5,871,642,403	32,217,566,652
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	106,306,212,493	179,639,289,194
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,289,864,735	78,150,284,236
12. Thu nhập khác	31	VI.07	9,174,644,848	17,669,370,761
13. Chi phí khác	32	VI.08	5,271,699,718	11,537,052,118
14. Lợi nhuận khác	40		3,902,945,130	6,132,318,643
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,192,809,865	84,282,602,879
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	12,010,084,654	18,105,674,603
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27,182,725,211	66,176,928,276
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Ngày 03 tháng 02 năm 2016

Lập biểu

KTT


Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh



Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	669,662,071,222	2,432,312,218,475
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(229,716,416,483)	(1,707,306,040,544)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(114,313,340,153)	(237,722,573,812)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(7,171,641,383)	(32,391,057,220)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,279,399,296)	(13,882,025,424)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	69,172,771,897	233,116,679,819
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(278,509,427,834)	(490,098,376,019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107,844,617,970	184,028,825,275
		-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(4,314,271,609)	(25,776,642,700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	6,125,158,364	8,471,406,819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200,000,000	2,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(86,331,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	19,229,485,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,823,339,258	31,355,389,126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3,834,226,013	(50,551,361,755)
		-	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	151,890,192,300
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32	-	(7,370,615,388)
3. Tiền thu từ đi vay	33	73,665,059,335	587,613,495,051
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(158,086,250,113)	(754,289,861,311)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,388,393,800)	(1,388,393,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(85,809,584,578)	(23,545,183,148)
		-	0
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	25,869,259,405	109,932,280,372
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	145,355,163,474	61,283,692,488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8,450,019
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	171,224,422,879	171,224,422,879

Ngày 03 tháng 02 năm 2016

Lập biên

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Cấu trúc doanh nghiệp

04.1 Thông tin về Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/9/2015
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%

04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	32,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	14,99%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	29,98%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/9/2015
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	46,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	34,36%
Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xám Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long - CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 49%.

Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 - CTCP, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 69,07%.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và một số thay đổi theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC so với Thông tư số 161/2007/TT-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014. Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất có thể so sánh được trừ chỉ tiêu là “Phải trả người bán ngắn hạn”. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không có thông tin so sánh do năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 kể từ khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi số của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào khoản lỗ dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng.

04. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - C.TCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong là các khoản giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các Công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	20,80%	20,80%	Sản xuất sản phẩm công nghiệp, kinh doanh phụ tùng, xây dựng
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng, kinh doanh vận tải, kinh doanh bất động sản...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình	32,00%	32,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	127B Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	28,89%	28,89%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	30,31%	30,31%	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng công trình...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	127B Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Bán buôn VLXD, MMTB, XD công nghiệp, dân dụng
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	Thí nghiệm vật liệu, xây dựng các công trình ...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, Xây dựng công trình bán buôn vật liệu, cho thuê máy móc.....
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,45%	36,45%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ thương mại, xây dựng....
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	Số 3 đường Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	29,98%	29,98%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	34,36%	34,36%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn xây dựng, xây dựng các công trình....

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	46%	46%	Cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng, sửa chữa cơ khí, chế tạo lắp đặt kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn, xây dựng các công trình dân dụng...
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	45,55%	45,55%	Sản xuất các cấu kiện kim loại, lắp ráp kết cấu thép
Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%	49,00%	Sản xuất và kinh doanh bê tông trộn sẵn
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	49,00%	49,00%	Xây dựng công trình, hỗ trợ kinh doanh chuyên giao cầu đường bộ.
+ Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002		49,00%	49,00%	
+ Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vành Đai theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 – CTCP		69,07%	69,07%	
Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
(a)	Theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0001/2015/HĐCNCP/TLG-ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2015 về việc thoái vốn toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long số lượng là 262.950 cổ phần, với giá bán 13.500 đồng/cổ phần.			
(b)	Theo Quyết định số 47/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0002/2015/HĐCNCP/TLG-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 2015 về việc thoái vốn toàn bộ phần vốn của Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long số lượng là 555.624 cổ phần, với giá bán 27.500 đồng/cổ phần.			
(c)	Theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc góp vốn vào Công ty TNHH BOT Yên Lệnh để tham dự dự án đầu tư xây dựng QL 38 đoạn cầu Yên Lệnh đến nút giao Vành Đai theo hình thức hợp đồng BOT số tiền là 86.331.000.000 đồng			

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2015 đến 30/9/2015
Cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	Công ty liên doanh, liên kết	
Doanh thu dịch vụ, cung cấp vật tư		
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Chi phí dịch vụ, mua hàng vật tư trong kỳ		
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư vào đơn vị khác:**

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	309 Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội	11,85%	11,85%	Giáo dục nghề nghiệp, xuất nhập khẩu, xây dựng...
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, từ Liêm, Hà Nội	5%	5%	Bán buôn nhiên liệu, hoàn thiện công trình xây dựng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Thôn Cổ Điện, Xã Hải Bôi, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	16,89%	16,89%	Xây dựng các công chế tạo kết cấu thép...

*Đơn vị tính: VND***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (c): Khoản vay TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 847816/HĐHM/VPB-TLG ngày 30/10/2014 để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/134637/HĐTD ngày 15/8/2014 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (f) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Huế theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130914-262989-01-SME ngày 18/9/2014 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 6 – 9 tháng, lãi suất 8,5% - 9,5%/năm.
- (g) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền đòi nợ từ Ban quản lý các Dự án trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội theo Hợp đồng thi công số 16/2013/HĐ-MPMU-7H ngày 01/10/2013, lãi suất 9,7%/năm đến 10,3%/năm.
- (h) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Tam Trinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 27 máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01HĐTC/TT-C3 ký ngày 06/5/2013 giữa Ngân hàng Nông và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Tam Trinh với Công ty Cổ phần Cầu 3 và khu đất tại Phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, lãi suất 10,5%/năm đến 11%/năm.
- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 17 máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/HĐCC ký ngày 19/02/2002 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với Công ty Cổ phần Cầu 3, lãi suất 11%/năm.
- (k) Là các khoản vay của cán bộ công nhân viên Công ty theo quy chế huy động vốn bằng tiền – vay mượn tài sản số 202/HĐQT-C3TL ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng áp dụng đối với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long và được điều chỉnh tăng, giảm phù hợp theo từng thời kỳ nếu biến động về lãi suất cho vay của Ngân hàng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (n) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (o) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đống Đa để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng Nguồn thu từ dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh”, thời hạn 42 tháng lãi suất được thỏa thuận cụ thể trên từng kế ước nhận nợ.

e. Cổ tức

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền tỷ lệ 7% theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền & các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	901,560,532	6,152,130,841
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	169,993,081,344	55,131,561,647
- Các khoản tương đương tiền	329,781,003	-
Cộng	171,224,422,879	61,283,692,488

02. Trình bày tại Sheet "ĐT Tài chính"**03. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1,266,525,256,277	1,086,398,880,617
- Công ty cổ phần xây dựng số 10 Thăng Long	36,225,031,992	11,590,165,200
- Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long	81,335,479,967	-
- Công ty cổ phần xây dựng số 15 Thăng Long	23,180,912,192	-
- Công ty CPXD số 17 Thăng Long	31,301,850,569	57,153,775,363
- Công ty cổ phần xây dựng số 2 Thăng Long	24,724,487,083	81,777,090,207
- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	47,362,444,954	35,832,430,120
- Công ty cổ phần xây dựng vận tải Thăng Long	30,723,572,883	900,045,419,727
- Công ty CP cơ khí 4 Thăng Long (Cầu Rạch chiếc 2)	25,772,068,920	-
- Dự án quốc lộ 10	183,475,936,687	-
- Trung tâm Tư vấn Quản lý và Giám sát Dự án các CTGT	51,653,461,259	-
- Ban QL 3 cầu Lai chau- gói 10XL	10,521,373,000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	720,248,636,771	-
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1,266,525,256,277	1,086,398,880,617

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	76,551,589,196	98,316,229,547
- Phải thu của người lao động	-	16,690,368,815
- Tạm ứng	35,971,300,617	18,000,000
		27,228,557,004

TỔNG CÔNG TY THANG LONG - CTPC

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4,042,363,694	11,321,780,076	-
- Phải thu khác	36,537,924,885	43,057,523,652	-
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân	2,664,280,015	2,259,849,387	-
+ Ban điều hành đường dân Vĩnh Long	2,895,623,923	2,895,623,923	-
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	-	1,056,949,196	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng	-	920,721,221	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam	2,527,880,678	1,088,259,566	-
+ Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thâm	-	6,445,180,000	-
+ Phải thu tiền cho cán bộ CNV vay	758,505,000	845,905,000	-
+ Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	-	6,247,722,957	-
+ Tạm ứng các đội thi công	14,288,305,499	-	-
+ Phải thu các đối tượng khác	13,403,329,770	21,297,312,402	-
b. Dài hạn	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
Cộng	76,551,589,196	98,316,229,547	-

5 Hàng tồn kho

	Số đầu năm		
	Số cuối kỳ	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4,515,815,748	12,545,108,357	-
- Công cụ, dụng cụ	547,513,372	784,642,856	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	275,621,432,723	279,267,430,356	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	280,684,761,843	292,597,181,569	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị có thể thu
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1,850,707,012	1,850,707,012	1,850,707,012	1,850,707,012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31,874,512	31,874,512	31,874,512	31,874,512
- Văn phòng Phạm Văn Đồng	-	3,396,323,832	3,396,323,832	3,396,323,832
- Công trình nhà điều hành	3,130,224,063	723,579,819	723,579,819	723,579,819
- Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	435,896,864	460,477,250	460,477,250	460,477,250
- Công trình xưởng Láo Cai	1,821,901,503	1,811,633,503	1,811,633,503	1,811,633,503
- Khác	-	675,920,403	675,920,403	675,920,403
Cộng	7,270,603,954	8,950,516,331	8,950,516,331	-

Chi tiết cho từng loại, nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

06. Chi phí trả trước

a. Ngân hạn

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ

14,151,847,652 **8,458,959,559**

(10,427,160,515)

b. Dài hạn

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ

18,155,363,919 **24,356,060,654**

10,427,160,515

- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá

13,715,192,772 **19,696,843,189**

- **108,502,638**

- Chi phí san lấp mặt bằng

4,440,171,147 **4,550,714,827**

Cộng

32,307,211,571 **32,815,020,213**

14. Phải trả người bán

a Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long

526,350,596,899 **526,350,596,899**

Số có khả năng trả nợ
415,298,355,203

- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long

72,077,714,367 **72,077,714,367**

- Công ty Cổ phần Điện máy hóa chất Thanh Hóa

40,860,663,419 **40,860,663,419**

- Công ty Cổ phần Gang thép Việt Nam

- **-**

- Công ty Cổ phần bê tông XD và Thương mại Việt Trung

6,639,052,123 **6,639,052,123**

7,048,642,500 **7,048,642,500**

6,509,531,338

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Ông Trịnh Quang Hưng	10,509,137,247	10,509,137,247	4,476,133,081	4,476,133,081
- Hubei tri-ring special vehicle co.,ltd	-	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	283,268,951,160	283,268,951,160
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	-	-	-	-
- Công ty CPXD số 18 Thăng Long	29,900,147,221	29,900,147,221	-	-
- Công ty Cổ phần Điện máy hóa chất Thanh Hóa	2,958,891,038	2,958,891,038	-	-
- Công ty cầu 14	-	-	-	-
- Cty CP xây dựng công trình công nghệ cao Thăng long	-	-	-	-
- Công ty CP lê phú văn Quán	-	-	-	-
- Công ty CP gang thép Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty CP đầu tư XD công trình & TM thăng long	-	-	-	-
- Công ty cổ phần thương mại Hiệp Hương	-	-	-	-
- Công ty CP Hà Sơn(TC gói thầu 10XL laichâu)	-	-	-	-
- Công ty Mê Kông	-	-	-	-
- Công ty CP Kinh doanh VT Thiết bị Giao thông	6,322,033,102	6,322,033,102	-	-
- Công ty CP Tasco Thành Công	-	-	-	-
- Công ty TNHH TĐN Việt Nam	-	-	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	350,034,315,882	350,034,315,882	-	-
<i>Phải trả người bán dài hạn</i>	<i>5,925,724,174</i>	<i>5,925,724,174</i>	<i>5,906,533,574</i>	<i>5,906,533,574</i>
- Công ty Cổ phần cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5,504,733,796	5,504,733,796	5,504,733,796	5,504,733,796
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	420,990,378	420,990,378	401,799,778	401,799,778
Cộng	532,276,321,073	532,276,321,073	421,204,888,777	421,204,888,777

b

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	24,174,838,778	9,790,061,735
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả ODA	8,006,532,004	8,006,532,004
- Trích trước chi phí lãi vay	-	1,235,529,194
- Chi phí cho các công trình	15,966,857,473	390,694,087
- Các khoản trích trước khác	201,449,301	157,306,450
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	24,174,838,778	9,790,061,735

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	109,202,905,954	103,543,463,238
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	669,498,868	2,100,098,597
- Bảo hiểm xã hội	8,915,161,773	9,068,761,522
- Bảo hiểm y tế	155,363,540	123,428,290
- Bảo hiểm thất nghiệp	67,954,650	54,068,086
- Phải trả về cổ phần hóa	-	7,113,688,606
- Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10,872,286,540
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	11,695,877,730	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	87,699,049,393	74,211,131,597
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	-	1,004,314,900
+ Đới thi công cầu	-	6,657,270,362
+ Dự án cải tạo cầu Đường Sắt - Gói CP1D	-	1,000,000,000
+ Dự án Đường 188 Hải Dương	23,724,269,628	2,307,968,489
+ Ban điều hành gói 6 Cầu Phù Đổng	-	1,314,402,958
+ Ban điều hành gói PK1A dự án đường cao tốc HN-TN	-	1,148,050,539
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	-	15,517,434,000
+ Ban điều hành liên danh gói thầu PK2	-	1,465,791,250
+ Ông Cao Xuân Nam - Đới trưởng 301	-	892,997,401
+ Ông Đặng Văn Hoan - Đới 309	-	3,201,611,244
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	823,015,491	1,359,491,628
+ Ông Phạm Trọng Thanh	714,720,058	1,198,568,622
+ Xi nghiệp xây dựng số 2	-	1,728,408,824
+ Xi nghiệp thi công cơ giới	10,541,449,860	14,047,877,673
+ Tổng Công ty Thăng Long - CTPC	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	15,000,000,000	-
+ Các đới tương khác	36,895,594,356	43,795,899,099
b. Dài hạn	-	6,020,449,965
- Nhân ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
+ Tổng Công ty Thăng Long - CTPC	-	6,020,449,965
+ Các đới tương khác	-	6,020,449,965
Cộng	109,202,905,954	109,563,913,203

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Doanh thu bán hàng	-	-
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	973,779,174,820	
Cộng	973,779,174,820	-

02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

04. Giá vốn hàng bán (Mã Số 11)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	811,647,759,769	
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	811,647,759,769	- ##

Thuyết minh chi tiết

Giá vốn trích trước của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán bao gồm:

- + Hàng mục chi phí trích trước
- + Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục
- + Thời gian chi phí dự kiến phát sinh

05. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-
- Lãi bán các khoản đầu tư	(8,466,218,210)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21,235,080	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	(8,444,983,130)	8,444,983,130

06. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Lãi tiền vay	12,090,354,693	6,218,712,290
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	-
Cộng	12,090,354,693	-

07. Thu nhập khác (Mã số 31)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Tiền thuê kho bãi	-	-
- Tiền cho thuê địa điểm đặt cây ATM	-	-
- Cho thuê xe, xà lan và thuê kích kéo	9,174,644,848	-
- Các khoản khác	-	-
Cộng	9,174,644,848	(9,174,644,848)

08. Chi phí khác (Mã số 32)

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Kinh phí xây dựng Công viên tương niệm liệt sĩ bảo vệ cầu Rạch Chiếc	-	-
- Các khoản bị phạt	64,164,408	-
- Các khoản khác	5,207,535,910	-

Cộng	-	(5,271,699,718)
09. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
	5,271,700,318	
	Quý 4/2015	Năm 2015
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	106,306,212,493	-
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216,208,186	
- Chi phí nhân công	14,443,404,604	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,309,382,927	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,309,236,186	
- Thuế, phí và lệ phí	2,679,404,323	
- Chi phí dự phòng	-	
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	85,348,576,267	
Cộng	106,306,212,493	-

Lưu ý: TM chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN, chi phí bán hàng

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Quý 4/2015	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,192,809,865	-
Các khoản điều chỉnh tăng	15,398,484,017	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	13,377,683,541	-
Kinh phí XD công viên tương ứng nhiệm liệt sĩ	2,020,800,476	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu và TGN,</i>	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	54,591,293,882	
Thuế suất thuế TNDN	22%	
Thuế TNDN	12,010,084,654	
Thuế TNDN được giảm	-	
Chi phí thuế thu nhập hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
		(12,010,084,654)
		0
		0

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2015	Năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116,308,582,721	-
- Chi phí nhân công	34,547,771,239	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	251,768,406,109	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	230,906,394,447	-
- Chi phí khác bằng tiền	402,624,760,069	-
- Chi phí thuê phụ	1,036,155,914,586	-
Cộng		

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

02. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

03. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có thông tin so sánh do năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Công

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 09 kể từ khi chuyển sang công ty Cổ phần.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên